

Số: 49 /2022/KT-AV3-TC

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần Dệt Hà Đông Hanosimex**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Dệt Hà Đông Hanosimex (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 01/3/2022, từ trang 05 đến trang 28, bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2021, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và bản thuyết minh báo cáo tài chính.

### **Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### **Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Dệt Hà Đông Hanosimex tại ngày 31/12/2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



**Vũ Hoài Nam**

**Phó Tổng Giám đốc**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:  
1436-2018-055-1

**Thay mặt và đại diện**

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AN VIỆT**

Hà Nội, ngày 01 tháng 3 năm 2022



**Nguyễn Thu Hà**

**Kiểm toán viên**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:  
2986-2019-055-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
**Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021**

**Mẫu số B01 - DN**  
Đơn vị tính: VND  
**01/01/2021**

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2021	01/01/2021
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>80.581.018.275</b>	<b>71.299.818.366</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>2.734.621.818</b>	<b>1.243.297.296</b>
1. Tiền	111	5	2.734.621.818	1.243.297.296
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>14.892.880.633</b>	<b>16.036.485.206</b>
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	6.1	14.892.880.633	16.036.485.206
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>15.443.450.881</b>	<b>8.138.221.279</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	15.096.651.251	7.700.446.267
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		134.961.750	155.729.950
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	8	291.837.880	362.045.062
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(80.000.000)	(80.000.000)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>43.530.662.643</b>	<b>40.986.035.888</b>
1. Hàng tồn kho	141	10	43.530.662.643	40.986.035.888
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>3.979.402.300</b>	<b>4.895.778.697</b>
1. Thuế GTGT được khấu trừ	152		3.979.402.300	4.895.778.697
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>107.736.529.270</b>	<b>117.902.857.194</b>
<b>I. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>87.561.370.645</b>	<b>96.938.147.539</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	13	87.267.136.525	96.568.199.131
- Nguyên giá	222		206.983.019.165	206.953.019.165
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(119.715.882.640)	(110.384.820.034)
2. Tài sản cố định vô hình	227	11	294.234.120	369.948.408
- Nguyên giá	228		572.000.000	572.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(277.765.880)	(202.051.592)
<b>II. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		-	-
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	6.2	307.875.000	307.875.000
2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	6.3	(307.875.000)	(307.875.000)
<b>III. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>20.175.158.625</b>	<b>20.964.709.655</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	12	20.175.158.625	20.964.709.655
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)</b>	<b>270</b>		<b>188.317.547.545</b>	<b>189.202.675.560</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**  
**Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021**

**Mẫu số B01 - DN**  
Đơn vị tính: VND  
**01/01/2021**

<b>CHỈ TIÊU</b>	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>31/12/2021</b>	<b>01/01/2021</b>
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>92.253.654.262</b>	<b>91.139.893.913</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>72.531.112.678</b>	<b>59.739.951.669</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	<b>14</b>	19.304.766.348	13.514.827.573
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		10.000.000	100.000.000
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	<b>15</b>	8.837.680	66.593.919
4. Phải trả người lao động	314		4.248.264.048	1.661.574.222
5. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	<b>16</b>	120.000.000	-
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	<b>17.1</b>	354.258.232	71.076.725
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	<b>18.1</b>	47.263.963.103	40.958.696.286
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.221.023.267	3.367.182.944
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>19.722.541.584</b>	<b>31.399.942.244</b>
1. Phải trả dài hạn khác	337	<b>17.2</b>	17.600.000	17.600.000
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	<b>18.2</b>	19.704.941.584	31.382.342.244
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>96.063.893.283</b>	<b>98.062.781.647</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>96.063.893.283</b>	<b>98.062.781.647</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	<b>19</b>	19.500.000.000	19.500.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		19.500.000.000	19.500.000.000
2. Vốn khác của chủ sở hữu	414	<b>19</b>	82.135.026.543	80.135.026.543
3. Quỹ đầu tư phát triển	418	<b>19</b>	-	2.000.000.000
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	<b>19a</b>	(5.571.133.260)	(3.572.244.896)
- LNST chưa phân phối lũy kể đến cuối kỳ trước	421a		(3.572.244.896)	-
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(1.998.888.364)	(3.572.244.896)
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b> <b>(440=300+400)</b>	<b>440</b>		<b>188.317.547.545</b>	<b>189.202.675.560</b>

Người lập biểu



Phạm Thị Thúy Nga

Kế toán trưởng



Nguyễn Lệ Hằng

Hà Nam, ngày 01 tháng 3 năm 2022

Tổng Giám đốc



Đặng Thái Hưng